

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2022.

V/v tranh chấp không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng;
2. Bà Lê Thị Thúy Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số **161/2022/TLST-HNGĐ** ngày **15 tháng 7 năm 2022** về việc “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phước T, sinh năm **1950**; Địa chỉ cư trú: Hẻm 20, đường B, khu phố B, phường H, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Bà Lê Thúy D, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: Hẻm 20, đường B, khu phố B, phường H, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10-6-2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Phước T trình bày:

Ông và bà D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008 cho đến nay, không

có đăng ký kết hôn. Từ cuối năm 2021 bà D thường xuyên đi chơi với bạn bè, không chăm sóc cho gia đình, con chung, thời gian ông nằm điều trị tại bệnh viện bà D cũng không quan tâm dẫn đến vợ chồng gây gổ với nhau, không còn tình nghĩa vợ chồng. Nay ông yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà D.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên là Nguyễn Lê Anh T, sinh ngày 08-6-2015; Nguyễn Hữu T, sinh ngày 15-01-2018. Tại biên bản hòa giải ngày 29-7-2022 ông đồng ý giao 02 con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con nhưng ông mong muốn được hỗ trợ chăm sóc các con.

Về tài sản chung: Ông bà có tài sản chung là nhà ở và quyền sử dụng đất tọa lạc tại khu phố 4, phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, nếu như không được chấp nhận thì xin được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu T, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Ông có thu nhập ổn định khoảng 20.000.000 đồng/tháng từ việc kinh doanh khai thác khoáng sản, cho thuê xe tải; từ trước đến nay chủ yếu chi phí sinh hoạt gia đình, chăm sóc cho các con do ông trang trải; ông có thời gian chăm sóc, đưa rước các con đi học trong khi đó thu nhập của bà D không ổn định, thường xuyên đem con đến ở nhà chị ruột.

** Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thúy D trình bày.*

Vì hoàn cảnh gia đình nghèo khó nên từ năm 2008 bà và ông T bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng cho đến nay không có đăng ký kết hôn. Năm 2015 ông bà mua nhà, đất sinh sống tại khu phố 4, phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Đến năm 2021 mẹ ruột của bà bị bệnh nên bà phải tới lui chăm sóc cho mẹ, nhưng ông T không tin tưởng, ghen tuông vô cớ, cho rằng bà đi ngoại tình với người khác, không chăm lo cho gia đình nên chửi mắng, đánh đập bà vì vậy bà phải đưa các con đến nhà chị ruột nhờ chăm sóc. Hiện nay ông T còn công khai quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác do vậy bà đồng ý để Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên là Nguyễn Lê Anh T, sinh ngày 08-6-2015; Nguyễn Hữu T, sinh ngày 15-01-2018. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Vì bà có đủ điều kiện nuôi con do bà làm chủ thảo hụi có thu nhập ổn định 10.000.000 đồng/tháng, có chị ruột hỗ trợ chăm sóc các con chung trong khi đó ông T đã cao tuổi. Ông T vẫn được quyền thăm nom, hỗ trợ chăm sóc các con chung.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa bà D giữ nguyên ý kiến trình bày nêu trên, không đồng ý giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:**

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành pháp luật và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước T.

Không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Phước T và bà Lê Thúy D.

Giao con chung Nguyễn Lê Anh T, sinh ngày 08-6-2015 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao con chung Nguyễn Hữu T, sinh ngày 15-01-2018 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận ông bà đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giải quyết án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Phước T yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng, giải quyết quan hệ con chung đối với bà Lê Thúy D, cư trú tại phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Do vậy vụ án có quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng*” và Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 nhưng cho đến nay vẫn không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn

nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý”. Vì vậy mối quan hệ giữa ông Nguyễn Phước T và bà Lê Thúy D không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Ông T và bà D đều thừa nhận có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2021, cho đến nay đã không còn tình cảm vợ chồng nên thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà D. Do vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận ông Nguyễn Phước T và bà Lê Thúy D là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà D có 02 con chung Nguyễn Lê Anh T, sinh ngày 08-6-2015; Nguyễn Hữu T, sinh ngày 15-01-2018. Bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung còn ông Tài có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T hoặc cháu T.

Xét thấy về điều kiện nuôi dưỡng con chung: Bà D trình bày có thu nhập ổn định 10.000.000 đồng/tháng từ việc làm chủ thảo hụi và cháu T có nguyện vọng chung sống với bà D nên cần giao cháu T cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Ông T là chủ hộ kinh doanh, thu nhập ổn định khoảng 20.000.000 đồng/tháng, có thời gian chăm sóc, đưa rước con đi học nên cần giao cháu Thuận cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Ghi nhận ông T, bà D đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông bà được quyền, thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Phước T thuộc diện người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước T về việc “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng” đối với bà Lê Thúy D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Phước T và bà Lê Thúy D.

1.2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Lê Anh T, sinh ngày 08-6-2015 cho bà Lê Thúy D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung Nguyễn Hữu T, sinh ngày 15-01-2018 cho ông Nguyễn Phước T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận ông T, bà D đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông T, bà D được quyền, thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Phước T được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- UBND P2,TPTN;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Liên